

CÔNG TY TNHH NGUYỄN QUỐC HÙNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGUYỄN QUỐC HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110070585

3. Ngày thành lập: 25/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

127C ngõ 1194 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0774544898

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
8.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	4661

16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; không tồn trữ hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định)	4669
19.	Trồng cây hàng năm khác	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
24.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
25.	Khai thác gỗ	0220
26.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
27.	Khai thác thủy sản biển	0311
28.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
29.	Khai thác dầu thô	0610
30.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
31.	Khai thác quặng sắt	0710
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không gồm các hoạt động dịch vụ báo cáo toà án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
34.	Đào tạo sơ cấp	8531
35.	Đào tạo trung cấp	8532
36.	Đào tạo cao đẳng	8533
37.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo, các trường của các tổ chức đảng đoàn thể)	8559
38.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
39.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (không hoạt động tại trụ sở)	8610
40.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (trừ lưu trú bệnh nhân)	8620
41.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
42.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

43.	Lập trình máy vi tính	6201
44.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động báo chí)	6399
45.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
46.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
47.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
49.	Quảng cáo	7310
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
53.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
54.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
55.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
58.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
59.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
60.	Sản xuất rượu vang	1102
61.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
62.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
63.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
64.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
65.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
66.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
67.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
68.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
69.	In ấn	1811
70.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
71.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
72.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
73.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
74.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
75.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

76.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
77.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
78.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
79.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
80.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
81.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
82.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
83.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
84.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
85.	Đúc sắt, thép	2431
86.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
87.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
88.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
89.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
90.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
91.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
92.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
93.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
94.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
95.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
96.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
97.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
98.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
99.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
100.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
101.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
102.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
103.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
104.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
105.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
106.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
107.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
109.	Bốc xếp hàng hóa	5224
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

111.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
114.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
115.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
116.	Hoạt động viễn thông khác	6190
117.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
118.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
119.	Đại lý du lịch	7911
120.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
121.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
122.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
123.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
124.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
125.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
126.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
127.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
128.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
129.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
130.	Sản xuất điện	3511
131.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
132.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
133.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
134.	Thu gom rác thải độc hại	3812
135.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
136.	Tái chế phế liệu	3830
137.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
138.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
139.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
140.	Xây dựng công trình thủy	4291
141.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
142.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
143.	Phá dỡ (không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
144.	Chuẩn bị mặt bằng (không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
145.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

146.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
147.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
148.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
149.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
150.	Doanh nghiệp cam kết đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo vệ môi trường, bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Địa chỉ thường trú: _____
Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC HÙNG Giới tính: Nam
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: 10/12/2003 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079203017515
Ngày cấp: 16/05/2018 Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư*
Địa chỉ thường trú: *1.10 C/c 16/9 Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *1.10 C/c 16/9 Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội